TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 7 - 2023
"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương
Ông Võ Sỹ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 331/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "không công nhận vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Quách Văn T; Sinh năm: 1986 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Đường số 12, khu tái định cư, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Ngọc L; Sinh năm: 1981 (có mặt);

Địa chỉ HKTT: Đường số 12, khu tái định cư, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ cư trú hiện tại: Nhà trọ đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

-*Về hôn nhân*: Anh và chị L chung sống vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn, có làm đám cưới gả theo phong tục, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau khi sinh con thứ ba thì vợ bắt đầu thay đổi tính tình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó, thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 3 năm nay. Hiện nay cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, anh không còn tình cảm với chị L nên anh yêu cầu ly hôn với chị L.

- *Về con chung:* Anh và chị L có ba người con chung tên Quách Ngọc H, sinh ngày 21/6/2004 và Quách Ngọc T, sinh ngày 10/8/2006, hiện đang sống với chị L

và Quách Nhựt T, sinh ngày 14/6/2014 hiện đang sống với anh. Hiện Quách Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Anh yêu cầu nuôi cháu T, giao cháu T cho chị L nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Anh xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

-*Về hôn nhân*: Chị và anh T chung sống vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có làm đám cưới gả theo phong tục, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con thứ ba thì khoảng 6 năm sau vợ chồng mâu thuẫn là do tại thời điểm này tính tình chị thay đổi chồng con không ai gần gũi được, chị không hòa nhập được với gia đình nên vợ chồng bắt đầu thường xuyên cự cãi đến khoảng năm 2019 vợ chồng bỏ ra ngoài thuê phòng trọ sống chung khoảng gần 02 tháng sau thì anh T về nhà cha mẹ anh T sống cho đến nay và vợ chồng sống ly thân. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh T nên đồng ý ly hôn.

-*Về con chung:* Chị và anh T có ba người con chung tên Quách Ngọc H, sinh ngày 21/6/2004 và Quách Ngọc T, sinh ngày 10/8/2006, hiện đang sống với chị và Quách Nhựt T, sinh ngày 14/6/2014, hiện đang sống với anh T. Hiện Quách Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu nuôi cháu T, giao cháu T cho anh T nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Chị xác định vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T xin ly hôn với chị L được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Quách Văn T và chị Nguyễn Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa anh T và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị xác định quá trình sống chung có ba người con chung tên Quách Ngọc H, sinh ngày 21/6/2004 và Quách Ngọc T, sinh ngày 10/8/2006 và Quách Nhựt T, sinh ngày 14/6/2014. Hiện Quách Ngọc H đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh chị thống nhất tiếp tục giao cháu T cho chị L nuôi, giao cháu T cho anh T

nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu T nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T, chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận anh Quách Văn T và chị Nguyễn Ngọc L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Quách Ngọc T, sinh ngày 10/8/2006 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Quách Nhựt T, sinh ngày 14/6/2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền T lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị L xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Quách Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30/5/2023 ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0003480 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Thị Út